| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **79**/2017/DS-ST
Ngày 20-9-2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng biện pháp bảo lãnh"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà **Từ Thanh Nhung.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng.**

2/ Bà **Lâm Yến Nhi**.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông **Nguyễn Văn Hợp** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2017/TLST-DS ngày 04/7/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng biện pháp bảo đảm"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2017/QĐXXST-DS ngày 18/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 256/2017/QĐST-DS ngày 06/9/2017 giữa các đương sự:

*1/Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*2/ Bị đơn:* Ông **Phạm Văn M,** sinh năm 1949.
Bà **Trần Thị T,** sinh năm 1952.
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Bà H, bà T có mặt tại phiên toà. Riêng ông M vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:***

Vào năm 2012 con của bà T và ông M là Phạm Văn N và Phạm Văn P có mua phân thuốc vật tư nông nghiệp của bà H, anh P nợ 13.485.000 đồng, anh N nợ 15.445.000 đồng. Đến cuối vụ anh P và anh N không thanh toán cho bà H, thì bà T đứng ra bảo lãnh số nợ cho anh N và anh P, đồng thời bà T yêu cầu bà H tiếp tục bán phân thuốc vật tư nông nghiệp cho bà T, sau đó bà H bán thiếu cho bà T phân thuốc vật tư nông nghiệp với tổng số 34.575.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản nợ là 63.505.000 đồng, bà T có trả được cho bà H tổng cộng 8.000.000 đồng, hiện nay còn thiếu lại 55.505.000 đồng, ngày 28/4/2017 bà T có làm biên nhận nợ bà H 55.505.000 đồng và hiện nay chưa trả số tiền này cho bà H.

*Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà T trả số tiền 55.505.000 đồng.*

***- Lời trình bày của bị đơn Trần Thị T có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:***

Thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian, giao dịch mua bán phân thuốc vật tư nông nghiệp và cũng như số tiền nợ là đúng sự thật. Bà T xác định hiện nay còn nợ bà H tổng số tiền là 55.505.000 đồng. Ngoài ra bà T còn cho rằng việc mua phân thuốc vật tư nông nghiệp là dùng vào việc trồng lúa phục vụ cuộc sống trong gia đình của bà T với ông M và ông M hiện nay vẫn còn sống chung gia đình với bà T.

*Nay bà T đồng ý trả cho bà H tổng số tiền 55.505.000 đồng.*

***- Đối với ông Phạm Văn M:*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng ông M đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M đối với vụ án.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền toà án:* Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc "*Tranh chấp hợp đồng hợp đồng mua bán tài sản và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng biện pháp bảo lãnh"*, nên Toà án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quyền khởi kiện:* Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị bị đơn xâm hại, nên khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành triệu tập ông M hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng ông M đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Toà án căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[4] *Về pháp luật áp dụng*: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện trước ngày 01/01/2017 và hiện nay có tranh chấp, do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp với Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Xét về quan hệ tranh chấp:* Giữa bà H và bà T đều thừa nhận với nhau là anh N và P có mua phân thuốc vật tư nông nghiệp của bà H nhưng đến hạn thanh toán anh P và anh N không thanh toán cho bà H, thì bà T đứng ra bảo lãnh số nợ cho anh N và anh P, đồng thời bà T tiếp tục mua thiếu phân thuốc vật tư nông nghiệp của bà H, hiện nay giữa các bên có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán, nên xác định là tranh chấp giữa các đương sự là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự bằng biện pháp bảo lãnh" theo quy định tại Điều 361, Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] *Về nội dung tranh chấp:* Căn cứ vào lời trình bày của bà H và bà T thì thể hiện bà T có đứng ra bảo lãnh số nợ tiền mua phân thuốc vật tư nông nghiệp cho anh N và anh P với tổng số tiền là 28.930.000 đồng và bà T có nợ bà H tiền mua phân thuốc vật tư nông nghiệp số tiền 34.575.000 đồng. Tổng số tiền là 63.505.000 đồng, bà T có trả được cho bà H tổng cộng 8.000.000 đồng, còn thiếu lại 55.505.000 đồng, ngày 28/4/2017 bà T có làm biên nhận nợ bà H 55.505.000 đồng và hiện nay chưa trả số tiền này cho bà H.

+ *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Bà H yêu cầu ông M và bà T trả số tiền 55.505.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T có đứng ra bảo lãnh khoản nợ tiền mua phân thuốc vật tư nông nghiệp cho anh N, anh P và bà T có nợ bà H khoản tiền mua phân thuốc vật tư nông nghiệp với tổng số tiền hiện nay còn thiếu là 55.505.000 đồng là có thật bởi bà T thừa nhận việc này, nhưng hiện nay anh N, anh P chưa thực hiện nghĩa vụ cho bà H, đồng thời bà T cũng chưa trả khoản nợ mua vật tư nông nghiệp cho bà H và tại phiên tòa bà T cũng đồng ý trả cho bà H tổng số tiền là 55.505.000 đồng, do đó xác định bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H tổng số tiền 55.505.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 361, Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với nghĩa vụ của ông Phạm Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy bà T thừa nhận việc mua phân thuốc vật tư nông

nghiệp là dùng vào việc trồng lúa phục vụ cuộc sống trong gia đình giữa bà T với ông M, do đó xác định đây là giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu thiếu yếu giữa bà T và ông M, nên cần buộc ông M có trách nhiệm liên đới với bà T để thanh toán khoản nợ trên cho bà H là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông M và bà T có trách nhiệm chung trả bà H tổng số tiền là 55.505.000 đồng.

[7] *Về án phí:* Ông M và bà T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5 % trên tổng số tiền Tòa án buộc trả cho bà H theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối số tiền tạm ứng án phí của bà H đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 357 Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 361, Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thanh H. Buộc ông Phạm Văn M và bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền **55.505.000** đồng *(Năm mươi lăm triệu, năm trăm lẻ năm, ngàn đồng).*

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông M và bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên, thì hàng tháng ông M và bà T còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

**2.** Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Ông M và bà T phải nộp là 2.775.250 đồng. Bà H đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 1.390.000 đồng theo biên lai thu số 0007149 ngày 04/7/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại toàn bộ.

**3.** Bà H, bà T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**(ĐÃ KÝ)**

**Từ Thanh Nhung**